

Nghĩa An, ngày 22 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 - 2025

### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Công văn 1002/SGDĐT - GDTH ngày 26/8/2021 của Sở GDĐT Hải Dương về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Các văn bản hướng dẫn dạy học lồng ghép, tích hợp, ..... của Sở GDĐT Hải Dương;

Căn cứ Công văn 1755/SGDĐT- GDTH ngày 21/8/2024 của Sở GDĐT Hải Dương về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025; Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 478/ PGD&ĐT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo Ninh Giang về việc thiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2023 - 2024 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2024 - 2025.

Trường Tiểu học Nghĩa An xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024- 2025 như sau:

### II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024 – 2025

#### 1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

##### 1.1. Tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương

Nghĩa An là một xã thuần nông nằm về phía bắc huyện Ninh Giang, cách thị trấn Ninh Giang 09 km, cách thành phố Hải Dương khoảng 25 km. Nhân dân sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm, chế biến nông sản, thực phẩm. Một số hộ cạnh quốc lộ 17 phát triển các ngành nghề kinh doanh. Có tuyến đường liên xã đi qua địa bàn xã, mạng lưới giao thông trong xã được phân bố đều thuận tiện cho việc đi lại nên có lợi thế rất lớn về vị trí, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong những năm qua, Nghĩa An không ngừng phát triển về mọi mặt, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch

đúng hướng. Tình hình chính trị địa phương ổn định, nhân dân tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước. Đảng bộ và chính quyền luôn đạt trong sạch, vững mạnh. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn xã được nâng lên, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và quy chế dân chủ ở cơ sở. Quốc phòng được tăng cường và củng cố, an ninh chính trị được giữ vững, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Nghĩa An là một xã có tình hình an ninh chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế địa phương ổn định, có nhiều mặt tích cực ảnh hưởng tốt tới công tác giáo dục. Sau Đại hội Đảng bộ xã lần thứ 25 đội ngũ cán bộ lãnh đạo mới được kiện toàn, có kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình luôn quan tâm tới sự nghiệp giáo dục địa phương; Xã đạt nông thôn mới năm 2017, Đảng bộ, chính quyền địa phương phấn đấu xây dựng xã đạt nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 nên có kế hoạch đầu tư xây dựng trường Tiểu học giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1 phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

Các hoạt động văn hóa có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng phát triển; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy mạnh mẽ. Với truyền thống là địa phương có truyền thống hiếu học nên Đảng ủy, chính quyền địa phương luôn có sự chỉ đạo sát sao, chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường. Các ban ngành, đoàn thể địa phương luôn quan tâm, động viên phong trào giáo dục. Phong trào khuyến học phát triển đến từng dòng họ, từng thôn luôn quan tâm động viên, khuyến khích việc học tập của con em mình. Trong năm qua, sự nghiệp giáo dục xã nhà đã có nhiều bước đột phá. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích cao. Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được củng cố và giữ vững.

### ***1.2. Sơ lược về nhà trường***

Trường Tiểu học Nghĩa An - Ninh Giang - Hải Dương được thành lập từ tháng 9 năm 1954. Từ năm 1992 đến nay, trường liên tục đạt danh hiệu trường Tiên tiến và Tiên tiến xuất sắc.

Tháng 6 năm 1999 Trường được Bộ Giáo dục Đào tạo công nhận đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1996 -2000 là trường đạt chuẩn Quốc gia đầu tiên của Huyện Ninh Giang. Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 1 lại lần 2 năm 2007; công nhận lại lần 3 năm 2013. Ngày 15 tháng 5 năm 2019, trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Ngày 24 tháng 5 năm 2024, trường được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng cấp độ 2.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các ban ngành đoàn thể địa phương, với Hội cha mẹ HS và các lực lượng có liên quan đến giáo dục trên địa bàn phường. Cùng với tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, có trách nhiệm cao trong công tác giáo dục, trong những năm gần đây, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng ổn định.

## 2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 - 2025

### 2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2024 - 2025, nhà trường có 867 học sinh. Tổng số HS được biên chế vào 28 lớp.

Cụ thể:

| Khối        | Số lớp    | TB HS/ lớp | Số HS      | HS nữ      | HS dân tộc | HS lưu ban | HS # độ tuổi | HS KT    | HS có HCKK |           | Con LLV T | Ghi chú |
|-------------|-----------|------------|------------|------------|------------|------------|--------------|----------|------------|-----------|-----------|---------|
|             |           |            |            |            |            |            |              |          | Nghèo      | Cận nghèo |           |         |
| 1           | 6         | 29,6       | 178        | 78         |            | 5          | 5            | 0        | 2          | 1         | 4         |         |
| 2           | 5         | 32,6       | 163        | 80         |            |            |              | 2        | 1          | 1         | 3         |         |
| 3           | 5         | 29,8       | 149        | 67         |            |            |              | 2        | 1          | 0         | 1         |         |
| 4           | 6         | 32,8       | 197        | 90         |            |            |              | 1        |            | 4         | 4         |         |
| 5           | 6         | 30         | 180        | 82         |            |            |              | 1        |            | 2         | 2         |         |
| <b>Tổng</b> | <b>28</b> | <b>31</b>  | <b>867</b> | <b>397</b> |            | <b>5</b>   | <b>5</b>     | <b>6</b> | <b>4</b>   | <b>8</b>  | <b>14</b> |         |

- Số HS học 2 buổi/ngày: 867/867 học sinh đạt 100%
- Số học sinh học Tiếng Anh: 28 lớp, 867/867 học sinh đạt 100%
- Số học sinh học Tin học: 28 lớp, 867/867 học sinh đạt 100%
- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 178/178 học sinh đạt 100 %
- Tỷ lệ huy động 6-10 tuổi đi học: 867/867 học sinh đạt 100 %

### 2.2. Năng lực đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên

|      | Số lượng | Giới tính |    | Độ tuổi |              |                   |         | Trình độ đào tạo |    |    |        |
|------|----------|-----------|----|---------|--------------|-------------------|---------|------------------|----|----|--------|
|      |          | Nam       | Nữ | Dưới 25 | Từ 25 đến 35 | Từ 35 đến dưới 50 | Trên 50 | TC               | CD | ĐH | Sau ĐH |
| CBQL | 3        | 0         | 3  | 0       |              | 1                 | 2       | 0                | 0  | 3  | 0      |

|    |    |   |    |   |   |    |   |   |   |    |   |
|----|----|---|----|---|---|----|---|---|---|----|---|
| GV | 40 | 3 | 37 | 1 | 6 | 31 | 2 | 0 | 2 | 38 | 0 |
| NV | 3  | 0 | 3  | 0 | 0 | 3  | 0 | 1 | 0 | 2  | 0 |

**- Số lượng:**

Nhà trường có tổng số 46 cán bộ GV, NV (42 CB, GV biên chế, 4 giáo viên hợp đồng). Trong đó:

- + CBQL : 3 CBQL
- + GV văn hóa : 30 GV
- + GV bộ môn : 10 GV
- + Nhân viên : 3 NV

**- Trình độ đào tạo GV:**

- + Trung cấp: 0
- + Cao đẳng: 1
- + Đại học: 39

100% GV nhà trường đáp ứng Chuẩn đào tạo (1 cao đẳng gồm: 1 GV thuộc đối tượng không phải thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo Điều 2 Nghị định 71/2020/NĐ-CP).

**- Chuẩn NN:**

- + Tốt: 19
- + Khá: 22
- + Đạt: 0

**- Cơ cấu:**

Trường có đủ cơ cấu GV theo quy định của BGDĐT.

- + Tỷ lệ GV/ lớp đảm bảo quy định: 1, 42 GV/ lớp

+ Có đủ loại hình GV dạy các môn năng khiếu như Tiếng Anh, Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học, Giáo dục thể chất để dạy 2 buổi/ ngày.

- + Số GV đạt chuẩn đào tạo đạt 100%.

- Tỷ lệ GV/lớp đạt 1,42 GV/lớp nên đủ để tổ chức dạy đủ các môn học và dạy học 2 buổi/ngày.

**2.3. Đoàn thể**

- Chi bộ : 35 đảng viên đạt
- Công đoàn : 44 đoàn viên công đoàn
- Chi đoàn : 12 đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh
- Ban ĐD Hội CMHS :

+ 1 Ban đại diện Cha mẹ HS trường (5 người, trải đều ở 5 khối).

+ 28 đại diện CMHS của 28 lớp.

**2.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng tương đối Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 5 năm 2020.

Trường Tiểu học Nghĩa An có khuôn viên riêng biệt, thoáng, mát; môi trường xanh - sạch - đẹp; được quy hoạch khoa học, hợp lý đảm bảo việc tổ chức

các hoạt động của nhà trường. Đến thời điểm hiện tại hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ. Phòng học đảm bảo cho 100% số lớp được học 2 buổi/ngày. Bên trong các phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo phục vụ tốt cho công tác quản lý, dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng phụ trợ, khối phòng hành chính được trang trí theo đúng quy định và có đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động quản lý và giáo dục.

- Khối phòng hành chính quản trị: Trường có đủ hệ thống phòng theo quy định: 1 phòng HT; 2 phòng PHT; 1 văn phòng; 1 phòng bảo vệ; khu vệ sinh GV, CB, NV bố trí khoa học; khu để xe của GV, CB, NV có mái che, đủ chỗ cho GV, CB, NV nhà trường.

- Khối phòng học tập:

+ Phòng học: Trường có đủ 28 phòng xây dựng kiến trúc đảm bảo nhu cầu học 2 buổi/ ngày cho học sinh. Trong mỗi phòng học được trang bị từ 15 đến 18 bộ bàn ghế vừa tầm đúng quy định đảm bảo đủ 1 chỗ ngồi /em. Mỗi lớp có 1 bộ bàn ghế giáo viên với kích thước, kiểu dáng phù hợp so với quy định của bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, có 01 bảng chống loá màu xanh được treo cách mặt đất 0,8m đảm bảo đúng quy cách. Hệ thống đèn chiếu sáng, quạt mát đầy đủ: mỗi lớp có 06 đến 08 bóng tuýp, 03 quạt trần, 5 quạt tường đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông cho học sinh. Ngoài ra mỗi phòng học còn có 01 tủ đựng hồ sơ sổ sách, đồ dùng dạy học và sản phẩm học tập của HS được sắp xếp hợp lý, gọn gàng, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Những phòng học mới phía cuối lớp còn có hệ thống tủ cá nhân để các em cất mũ, áo, đồ dùng cá nhân. Một số lớp còn lắp điều hòa. 28 phòng học đều có tivi màn hình rộng, phục vụ tốt cho việc dạy và học 2 buổi/ ngày.

+ Phòng học bộ môn: Nhà trường có nhà trường đầy đủ các phòng học bộ môn: phòng học Âm nhạc, phòng Mĩ thuật, phòng Ngoại ngữ, phòng Tin học, phòng Khoa học- Công nghệ. Tất cả các phòng đều đầy đủ đồ dùng và các thiết bị dạy học cần thiết. Phòng học Mĩ thuật được trang trí bởi các bức tranh vẽ của học sinh qua các năm; giá vẽ được đặt xung quanh lớp thuận lợi cho giáo viên áp dụng các kĩ thuật dạy học mới. Phòng tin học được trang bị 18 bộ máy đảm bảo 2 học sinh/máy, tất cả các máy tính đều được kết nối Internet. Phòng học Ngoại ngữ gồm có hai phòng, ngoài bàn ghế tối thiểu thì mỗi phòng được trang bị đầy đủ máy tính tai nghe.

+ Phòng đa chức năng: Trường có 1 phòng đa năng

- Khối phòng hỗ trợ học tập:

+ Thư viện: được trang bị sách báo, tạp chí, và các xuất bản phẩm và có 4 phòng riêng biệt: 01 thư viện , 01 kho sách, 01 phòng đọc cho HS, 1 thư viện xanh

ngoài trời có hệ thống trải thảm, có mô hình sinh động dành cho học sinh đáp ứng cho khoảng 70 học sinh đọc sách mỗi lần, 01 phòng đọc cho giáo viên với tổng diện tích là 200 m<sup>2</sup>. Phòng đọc sách cho HS được trang bị tương đối đầy đủ, đáp ứng tiêu chuẩn thư viện mức độ 1 theo TT 16/2022/TT-BGDĐT. Nguồn tài nguyên tại thư viện khá phong phú và đa dạng.

+ Phòng thiết bị giáo dục: Trường có 1 phòng thiết bị rộng 35m<sup>2</sup> có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

+ Phòng truyền thống: 1 phòng, Phòng Đội Thiếu niên: 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị, bảng biểu.

- Khối phụ trợ:

+ Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy.

+ Phòng Y tế: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

+ Khu để xe học sinh rộng 150 m<sup>2</sup> được làm bằng khung sắt, lợp mái tôn, nền đổ bê tông, bố trí hợp lý, an toàn đảm bảo an ninh, trật tự.

+ Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, rộng rãi, thoáng mát với tổng diện tích 11175m<sup>2</sup>, bình quân khoảng 12,7m<sup>2</sup>/học sinh đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tường bao, cổng trường, biển trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao:

+ Nhà trường có sân chơi rộng 3000m<sup>2</sup>. Diện tích sân rộng đảm bảo cho học sinh chơi thoải mái trong giờ ra chơi và tổ chức các hoạt động chung của nhà trường. Sân chơi mới được đổ bê tông rộng rãi, cao, sạch sẽ. Trên sân có các bồn hoa, cây cảnh, cây bóng mát được trồng mới mang lại sự thẩm mỹ cho cảnh quan sân trường. Bãi tập thể dục thể thao rộng 3000 m<sup>2</sup> đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả

- Khối phục vụ sinh hoạt:

+ Khu bán trú mới được xây dựng với tổng diện tích rộng khoảng 240 m<sup>2</sup> tách biệt hoàn toàn với khối phòng học tập và khối phòng hỗ trợ học tập. Có nhà bếp rộng 25 m<sup>2</sup> được vận hành theo quy trình một chiều. Nhà bếp được bố trí bao gồm từng khu khác nhau như tiếp nhận, chế biến thực phẩm tươi sống, hệ thống nấu, chia thức ăn, khu vực rửa,... Dụng cụ nhà bếp đảm bảo đầy đủ để phục vụ cho việc sơ chế và nấu nướng thức ăn.

### **3. Đánh giá chung:**

#### **3.1. Chất lượng đội ngũ**

100% GV nhà trường có đủ năng lực đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục 2018. Cụ thể:

- 100% GV dạy lớp 1, 2, 3, 4, 5 hoàn thành chương trình tập huấn do Sở GD, Phòng GD và Nhà xuất bản tổ chức; 100% GV tham gia và hoàn thiện các lớp bồi dưỡng module trên LMS do Bộ GD tổ chức.

- 100% GV đạt trình độ Chuẩn đào tạo.

- 100% GV có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Tỷ lệ GV, nhân viên biên chế đạt 100% nên rất yên tâm công tác và tâm huyết với nghề.

- Số GV đạt chuẩn đào tạo đạt 100%. (theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020)

- Tỷ lệ GV/lớp đạt 1,42 GV/lớp nên đủ để tổ chức dạy đủ các môn học và dạy học 2 buổi/ngày.

- Nhà trường có nhiều thầy cô giáo là GV cốt cán huyện, nhiều thầy cô là giáo viên giỏi huyện, giáo viên giỏi trường.

- Cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường đoàn kết, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có kinh nghiệm và nhiệt tình trong công tác; có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ quản lý nhiệt tình, năng động.

*Đánh giá chung:* GV nhà trường có đủ về số lượng, đủ cơ cấu; đáp ứng tốt các yêu cầu về trình độ, năng lực. 100% CBQL, GV đủ điều kiện tham gia giảng dạy.

### **3.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng tốt *Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT* ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ GDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020, đáp ứng tốt nhu cầu học tập 2 buổi/ ngày có bán trú của HS, nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy đảm bảo mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018 của GV.

### **3.3. Những thuận lợi và khó khăn**

#### **3.3.1. Thuận lợi**

- Trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ninh Giang, sự quan tâm hỗ trợ nhiệt tình của chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường.

- Tập thể đoàn kết, luôn có ý thức thực hiện tốt quy chế của ngành, nội quy cơ quan.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường cơ bản đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Đội ngũ giáo viên trẻ, khỏe, nhiệt tình có tinh thần trách nhiệm cao trong công

việc. Các tổ, khối đều có giáo viên giỏi làm cốt cán và bồi dưỡng cho giáo viên mới vào ngành.

- Học sinh chăm ngoan, lễ phép, có ý thức học tập chăm chỉ. Nền nếp và chất lượng học tập được duy trì tốt từ nhiều năm gần đây. CBQL và tập thể CBGV luôn luôn tìm các giải pháp và đem hết khả năng của mình để nâng cao chất lượng dạy và học.

- Khuôn viên nhà trường được quy hoạch khá gọn gàng, môi trường xanh, sạch, đẹp. Bàn ghế đầy đủ, phù hợp với học sinh, trang thiết bị các phòng học khá đảm bảo đáp ứng tốt cho nhu cầu dạy - học.

- Phụ huynh học sinh nhiệt tình là nòng cốt trong công tác xã hội hóa giáo dục.

### **3.3.2. Khó khăn**

- HS: Nhà trường có 06 HS khuyết tật, nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo, gia đình éo le thiếu người chăm sóc.

- Đối chiếu với thông tư 13 quy định tiêu chuẩn CSVC trường học, trường còn thiếu: phòng đa chức năng, phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập,....

- Lực lượng giáo viên đông song nhiều đồng chí chưa chủ động, tích cực tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn, chưa thường xuyên áp dụng các kĩ thuật, phương pháp dạy học mới vào giảng dạy.

- Một số phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn, lo kinh tế gia đình, nhiều phụ huynh đi làm xa, không có nhiều thời gian quan tâm sâu sát đến việc học của học sinh.

- Thiết bị dạy học hiện đại còn thiếu, tài liệu, các sách tham khảo trong thư viện phục vụ cho việc mượn sách của giáo viên còn hạn chế.

## **III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025**

### **1. Mục tiêu chung:**

**Chủ đề năm học: “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng”.**

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương, nhà trường.

Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. 100% các phòng học, lớp học có đủ tivi, máy tính, đồ dùng dạy học; các phòng chức năng có đủ thiết bị theo yêu cầu. Bổ sung thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu



học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để giáo viên bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ trường học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học ở nhà trường.

## 2. Mục tiêu cụ thể

### 2.1. Môn học và hoạt động giáo dục

- 100% HS học 2 buổi/ ngày.

- Số lượng các môn học và hoạt động giáo dục:

| TT | Môn học và HĐGD (bắt buộc) | Môn tự chọn     | HĐ củng cố, tăng cường           |
|----|----------------------------|-----------------|----------------------------------|
| 1  | Tiếng Việt                 | Tiếng Anh 1, 2  | - HĐ củng cố, tăng cường TV      |
| 2  | Toán                       | Tin học lớp 1,2 | - HĐ củng cố, tăng cường Toán    |
| 3  | Đạo đức                    |                 | - Hoạt động củng cố, tăng cường: |
| 4  | TN&XH)                     |                 | + HĐTN*                          |
| 5  | Khoa học                   |                 | + GDTC                           |
| 7  | LS - ĐL                    |                 |                                  |
| 8  | HĐTN                       |                 |                                  |
| 9  | Âm nhạc                    |                 |                                  |
| 10 | Mĩ thuật                   |                 |                                  |
| 11 | GDTC                       |                 |                                  |
| 12 | Công nghệ (Lớp 3, 4, 5)    |                 |                                  |
| 13 | Tiếng Anh (Lớp 3, 4, 5)    |                 |                                  |
| 12 | Tin học (Lớp 3, 4, 5)      |                 |                                  |

- Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục:

**CHỈ TIÊU CỤ THỂ:** Tổng số hs: 861 HS ( Không tính học sinh khuyết tật)

#### 1. Về học sinh:

| Chất lượng giáo dục                          | Lớp 1 (178HS) |      | Lớp 2 (161 HS) |      | Lớp 3 (147 HS) |      | Lớp 4 (196HS) |      | Lớp 5 (179 HS) |      | Toàn trường (861 HS) |      |
|--|---------------|------|----------------|------|----------------|------|---------------|------|----------------|------|----------------------|------|
|  | SL            | %    | SL             | %    | SL             | %    | SL            | %    | SL             | %    | SL                   | %    |
| <b>I. Các môn học và hoạt động giáo dục:</b> |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| <b>1. Tiếng Việt</b>                         |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| HT tốt                                       | 85            | 47,8 | 72             | 44,7 | 73             | 49,7 | 68            | 34,7 | 75             | 41,9 | 373                  | 43,3 |
| Hoàn thành                                   | 93            | 52,2 | 89             | 55,3 | 74             | 50,3 | 128           | 65,3 | 104            | 58,1 | 488                  | 56,7 |
| CHT  |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| <b>2. Toán</b>                               |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| HT tốt                                       | 95            | 53,4 | 68             | 42,2 | 76             | 51,7 | 64            | 32,7 | 75             | 41,9 | 378                  | 43,9 |
| Hoàn thành                                   | 82            | 46,6 | 93             | 57,8 | 71             | 40,8 | 132           | 67,3 | 104            | 58,1 | 483                  | 56,1 |
| CHT  |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| <b>3. Đạo đức</b>                            |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| HT tốt                                       | 101           | 56,7 | 79             | 49,1 | 78             | 46,9 | 88            | 44,9 | 76             | 42,5 | 422                  | 49   |
| Hoàn thành                                   | 77            | 43,3 | 82             | 50,9 | 69             | 53,1 | 108           | 55,1 | 103            | 57,5 | 439                  | 51   |
| CHT  |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| <b>4. TN và XH</b>                           |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| HT tốt                                       | 91            | 51,1 | 82             | 50,9 | 77             | 53,4 |               |      |                |      | 250                  | 51,4 |
| Hoàn thành                                   | 87            | 48,9 | 79             | 49,1 | 70             | 47,6 |               |      |                |      | 236                  | 48,6 |
| CHT  |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| <b>5. Khoa học</b>                           |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| HT tốt                                       |               |      |                |      |                |      | 71            | 36,2 | 79             | 44,1 | 150                  | 40   |
| Hoàn thành                                   |               |      |                |      |                |      | 125           | 63,8 | 100            | 55,9 | 225                  | 60   |
| CHT  |               |      |                |      |                |      | 0             | 0    |                |      |                      |      |
| <b>6. LS - Địa Lí</b>                        |               |      |                |      |                |      |               |      |                |      |                      |      |
| HT tốt                                       |               |      |                |      |                |      | 71            | 36,2 | 75             | 41,9 | 146                  | 38,9 |
| Hoàn thành                                   |               |      |                |      |                |      | 125           | 63,8 | 104            | 58,1 | 229                  | 61,1 |

|                               |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
|-------------------------------|-----|------|----|------|----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| CHT                           |     |      |    |      |    |      | 0   | 0    |     |      |     |      |
| <b>7. GD TC-(TD)</b>          |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        | 82  | 46,1 | 77 | 47,8 | 71 | 48,3 | 94  | 48   | 83  | 46,4 | 407 | 47,3 |
| Hoàn thành                    | 96  | 53,9 | 84 | 52,2 | 76 | 51,7 | 102 | 52   | 96  | 53,6 | 460 | 52,7 |
| CHT                           |     |      |    |      |    |      | 0   | 0    |     |      |     |      |
| <b>8. Âm nhạc</b>             |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        | 88  | 49,4 | 76 | 47,2 | 70 | 47,6 | 80  | 40,8 | 78  | 43,6 | 392 | 45,5 |
| Hoàn thành                    | 90  | 50,6 | 85 | 52,8 | 77 | 52,4 | 116 | 59,2 | 101 | 56,4 | 469 | 54,5 |
| CHT                           |     |      |    |      |    |      | 0   | 0    |     |      |     |      |
| <b>9. Mĩ thuật</b>            |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        | 88  | 49,4 | 75 | 46,6 | 71 | 48,3 | 80  | 40,8 | 79  | 44,1 | 393 | 45,6 |
| Hoàn thành                    | 90  | 50,6 | 86 | 53,4 | 76 | 51,7 | 116 | 59,2 | 100 | 55,9 | 468 | 54,4 |
| CHT                           |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| <b>10. HĐTN</b>               |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        | 99  | 55,6 | 76 | 47,2 | 74 | 50,3 | 91  | 46,4 | 80  | 44,7 | 420 | 48,8 |
| Hoàn thành                    | 79  | 44,4 | 85 | 52,8 | 73 | 49,7 | 105 | 53,6 | 99  | 55,3 | 441 | 51,2 |
| CHT                           |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| <b>11. Tiếng Anh</b>          |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        | 68  | 38,2 | 76 | 47,2 | 71 | 48,3 | 63  | 32,1 | 71  | 39,7 | 349 | 40,5 |
| Hoàn thành                    | 110 | 61,8 | 85 | 52,8 | 76 | 51,7 | 133 | 67,9 | 108 | 60,3 | 512 | 59,5 |
| CHT                           |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| <b>12. TH- CN( Tin học)</b>   |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        | 62  | 34,8 | 77 | 47,8 | 73 | 49,7 | 65  | 33,1 | 75  | 41,9 | 352 | 40,9 |
| Hoàn thành                    | 116 | 65,2 | 84 | 52,2 | 74 | 50,3 | 131 | 66,9 | 104 | 58,1 | 509 | 59,1 |
| CHT                           |     |      |    |      |    |      | 0   | 0    |     |      |     |      |
| <b>13. TH- CN( Công nghệ)</b> |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |     |      |
| HT tốt                        |     |      |    |      | 74 | 50,3 | 65  | 33,1 | 78  | 43,6 | 217 | 41,6 |

|            |  |  |  |  |    |      |     |      |     |      |     |      |
|------------|--|--|--|--|----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| Hoàn thành |  |  |  |  | 73 | 49,7 | 131 | 66,9 | 101 | 56,4 | 305 | 58,4 |
| CHT        |  |  |  |  |    |      |     |      |     |      |     |      |

## II. Phẩm chất chủ yếu:

|                    |     | SL  | %    | SL  | %    | SL  | %    | SL  | %    | SL  | %    | SL  | %    |
|--------------------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| <b>Yêu nước</b>    | Tốt | 159 | 89,3 | 145 | 90,1 | 132 | 89,8 | 145 | 74   | 150 | 83,8 | 731 | 84,9 |
|                    | Đạt | 19  | 10,7 | 16  | 9,9  | 15  | 11,2 | 51  | 26   | 29  | 16,2 | 130 | 15,1 |
|                    | CCG |     |      |     |      |     |      |     | 0    |     |      |     |      |
| <b>Nhân ái</b>     | Tốt | 140 | 78,7 | 125 | 77,6 | 122 | 82,9 | 131 | 74   | 135 | 75,4 | 653 | 75,8 |
|                    | Đạt | 38  | 21,3 | 36  | 22,4 | 25  | 17,1 | 65  | 26   | 44  | 24,6 | 208 | 24,2 |
|                    | CCG |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |
| <b>Chăm chỉ</b>    | Tốt | 130 | 73   | 120 | 75,2 | 71  | 48,3 | 117 | 59,7 | 134 | 74,9 | 572 | 66,4 |
|                    | Đạt | 48  | 27   | 41  | 24,8 | 76  | 51,7 | 79  | 40,3 | 45  | 25,1 | 286 | 33,6 |
|                    | CCG |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |
| <b>Trung thực</b>  | Tốt | 155 | 87,1 | 104 | 64,6 | 104 | 70,7 | 144 | 73,5 | 145 | 81   | 652 | 75,7 |
|                    | Đạt | 23  | 12,9 | 57  | 35,4 | 43  | 29,3 | 52  | 26,5 | 34  | 29   | 209 | 24,3 |
|                    | CCG |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |
| <b>Trách nhiệm</b> | Tốt | 131 | 73,6 | 107 | 66,5 | 71  | 48,3 | 121 | 61,7 | 134 | 74,9 | 564 | 65,5 |
|                    | Đạt | 47  | 26,4 | 54  | 33,5 | 76  | 51,7 | 75  | 38,3 | 45  | 25,1 | 297 | 34,5 |
|                    | GCC |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |

## III. Năng lực

### 1. Năng lực chung

|                         |     | SL  | %    | SL  | %    | SL | %    | SL  | %    | SL | %    | SL  | %    |
|-------------------------|-----|-----|------|-----|------|----|------|-----|------|----|------|-----|------|
| <b>Tự chủ và tự học</b> | Tốt | 106 | 59,6 | 108 | 67,1 | 71 | 48,3 | 74  | 37,8 | 81 | 45,3 | 440 | 51,1 |
|                         | Đạt | 72  | 40,4 | 59  | 32,9 | 76 | 51,7 | 122 | 62,2 | 98 | 54,7 | 421 | 48,9 |
|                         | CCG |     |      |     |      |    |      |     |      |    |      |     |      |
| <b>GT, Hợp tác</b>      | Tốt | 112 | 62,9 | 106 | 65,8 | 72 | 48,9 | 117 | 59,7 | 98 | 54,7 | 505 | 58,6 |
|                         | Đạt | 66  | 37,1 | 55  | 34,2 | 75 | 51,1 | 79  | 40,3 | 81 | 45,3 | 356 | 41,4 |

|                            |     |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
|----------------------------|-----|-----|------|----|------|----|------|-----|------|-----|------|------------|-------------|
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>GQV Đ&amp; ST</b>       | Tốt | 100 | 56,2 | 86 | 53,4 | 72 | 48,9 | 69  | 35,2 | 78  | 43,6 | 405        | <b>47</b>   |
|                            | Đạt | 78  | 43,8 | 75 | 46,6 | 75 | 51,1 | 127 | 64,8 | 101 | 56,4 | 456        | <b>53</b>   |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>2. Năng lực đặc thù</b> |     |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Ngôn ngữ</b>            | Tốt | 96  | 53,9 | 81 | 50,3 | 73 | 49,7 | 80  | 40,8 | 76  | 42,5 | <b>406</b> | <b>47,2</b> |
|                            | Đạt | 82  | 46,1 | 80 | 49,7 | 74 | 50,3 | 116 | 59,2 | 103 | 57,5 | <b>455</b> | <b>52,8</b> |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Tính toán</b>           | Tốt | 100 | 56,2 | 71 | 44,1 | 71 | 48,3 | 77  | 39,3 | 76  | 42,5 | <b>395</b> | <b>45,9</b> |
|                            | Đạt | 78  | 43,8 | 90 | 55,9 | 76 | 51,7 | 119 | 60,7 | 103 | 57,5 | <b>466</b> | <b>54,1</b> |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Khoa học</b>            | Tốt | 94  | 52,8 | 82 | 50,9 | 76 | 51,7 | 88  | 44,9 | 79  | 44,1 | <b>419</b> | <b>48,7</b> |
|                            | Đạt | 84  | 47,2 | 79 | 49,1 | 71 | 48,3 | 108 | 55,1 | 100 | 55,9 | <b>442</b> | <b>51,3</b> |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Công nghệ</b>           | Tốt |     |      |    |      | 74 | 50,3 | 65  | 33,2 | 78  | 43,6 | <b>217</b> | <b>41,6</b> |
|                            | Đạt |     |      |    |      | 73 | 49,7 | 131 | 66,8 | 101 | 56,4 | <b>305</b> | <b>58,4</b> |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Tin học</b>             | Tốt | 89  | 50   | 76 | 47,2 | 73 | 49,7 | 65  | 33,2 | 75  | 41,9 | <b>378</b> | <b>43,9</b> |
|                            | Đạt | 89  | 50   | 85 | 52,8 | 74 | 50,3 | 131 | 66,8 | 104 | 58,1 | <b>483</b> | <b>56,1</b> |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Thẩm mĩ</b>             | Tốt | 89  | 50   | 67 | 41,6 | 71 | 48,3 | 80  | 40,8 | 79  | 44,1 | <b>386</b> | <b>44,8</b> |
|                            | Đạt | 89  | 50   | 94 | 58,4 | 76 | 51,7 | 116 | 59,2 | 100 | 55,9 | <b>475</b> | <b>55,2</b> |
|                            | CCG |     |      |    |      |    |      |     |      |     |      |            |             |
| <b>Thể chất</b>            | Tốt | 94  | 52,8 | 77 | 47,8 | 71 | 48,3 | 94  | 48   | 83  | 46,4 | <b>419</b> | <b>48,7</b> |
|                            | Đạt | 84  | 47,2 | 84 | 52,2 | 76 | 51,7 | 102 | 52   | 96  | 53,6 | <b>442</b> | <b>51,3</b> |

|   |     |      |     |      |               |      |     |      |     |      |                       |             |  |
|---|-----|------|-----|------|---------------|------|-----|------|-----|------|-----------------------|-------------|--|
|   | CCG |      |     |      |               |      |     |      |     |      |                       |             |  |
| <b>IV. Khen thưởng:</b>   |     |      |     |      |               |      |     |      |     |      |                       |             |  |
| <b>HS Xuất sắc</b>  | 45  | 25,3 | 30  | 18,6 | $\frac{3}{2}$ | 21,8 | 31  | 15,8 | 42  | 23,5 | <b>180</b>            | <b>20,9</b> |  |
| <b>HS tiêu biểu</b>   | 35  | 19,7 | 37  | 22,9 | $\frac{3}{7}$ | 25,2 | 20  | 10,2 | 29  | 16,2 | <b>158</b>            | <b>18,4</b> |  |
| <b>V. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình Tiểu học</b> |     |      |     |      |               |      |     |      |     |      |                       |             |  |
| <b>HTCTLH</b>   | 178 | 100  | 163 | 100  | 149           | 100  | 197 | 100  |     |      | <b>68</b><br><b>7</b> | <b>100</b>  |  |
| <b>HTCTTH</b>   |     |      |     |      |               |      |     |      | 180 | 100  | <b>18</b><br><b>0</b> | <b>100</b>  |  |

• **Danh hiệu phần đầu của học sinh từng khối:**

| <b>Môn</b>                     | <b>Khối 1</b> | <b>Khối 2</b> | <b>Khối 3</b> | <b>Khối 4</b> | <b>Khối 5</b> | <b>Tổng hợp</b> |
|--------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|-----------------|
|                                | <i>SL</i>     | <i>SL</i>     | <i>SL</i>     | <i>SL</i>     | <i>SL</i>     | <i>SL</i>       |
| HS thi giải toán trên mạng     |               |               |               |               |               |                 |
| + Cấp trường                   | 11            | 28            | 24            | 24            | 20            | <b>107</b>      |
| + Cấp Huyện                    | 7             | 16            | 16            | 12            | 8             | <b>59</b>       |
| + Cấp Tỉnh                     | 4             | 7             | 7             | 6             | 2             | <b>26</b>       |
| + Cấp quốc gia                 |               |               |               |               |               |                 |
| HS thi Tiếng Anh trên mạng IOE |               |               |               |               |               |                 |
| + Cấp trường                   |               |               | 12            | 16            | 9             | <b>37</b>       |
| + Cấp Huyện                    |               |               | 7             | 11            | 6             | <b>24</b>       |
| + Cấp Tỉnh                     |               |               | 2             | 11            | 5             | <b>18</b>       |
| + Cấp quốc gia                 |               |               |               | 7             | 5             | <b>12</b>       |
| HS thi viết chữ đẹp            |               |               |               |               |               |                 |
| + Cấp trường                   | 18            | 20            | 25            | 30            | 30            | <b>123</b>      |
| + Cấp Huyện                    |               | 5             | 5             | 5             | 6             | <b>21</b>       |
| HS Giỏi bóng đá                |               |               |               |               |               |                 |
| + Cấp trường                   |               |               |               | 7             | 11            | <b>18</b>       |
| + Cấp Huyện                    |               |               |               | 5             | 5             | <b>10</b>       |
| HS Giỏi cờ vua:                |               |               |               |               |               |                 |
| + Cấp trường                   | 5             | 7             | 5             | 6             | 7             | <b>30</b>       |
| + Cấp Huyện                    |               |               | 2             | 1             | 2             | <b>5</b>        |
| + Cấp Tỉnh                     |               |               |               | 0             | 0             | <b>0</b>        |
| Toán học VioEdu                |               |               |               |               |               |                 |
| + Cấp trường                   | 9             | 14            | 12            | 22            | 19            | <b>76</b>       |
| + Cấp Huyện                    | 5             | 8             | 5             | 8             | 7             | <b>33</b>       |
| + Cấp Tỉnh                     | 2             | 2             | 1             | 0             | 0             | <b>5</b>        |
| + Cấp quốc gia                 |               |               |               |               |               |                 |

\* **Chất lượng vở sạch- chữ đẹp**

| Khôì        | Sĩ số      | Xếp loại vở |            | Xếp loại chữ |             |           |            | Xếp loại chung |             |           |            | Lớp đạt   |            |
|-------------|------------|-------------|------------|--------------|-------------|-----------|------------|----------------|-------------|-----------|------------|-----------|------------|
|             |            | A           |            | A            |             | B         |            | A              |             | B         |            | Số lớp    | %          |
|             |            | SL          | %          | SL           | %           | SL        | %          | SL             | %           | SL        | %          |           |            |
| 1           | 178        | 178         | 100        | 167          | 93,8        | 11        | 6,2        | 167            | 93,8        | 11        | 6,2        | 6         | 100        |
| 2           | 161        | 161         | 100        | 154          | 95,7        | 7         | 4,3        | 154            | 95,7        | 7         | 4,3        | 5         | 100        |
| 3           | 147        | 147         | 100        | 135          | 91,8        | 12        | 8,2        | 135            | 91,8        | 12        | 8,2        | 5         | 100        |
| 4           | 196        | 196         | 100        | 183          | 93,4        | 13        | 6,6        | 183            | 93,4        | 13        | 6,6        | 6         | 100        |
| 5           | 179        | 179         | 100        | 167          | 93,3        | 12        | 6,7        | 167            | 93,3        | 12        | 6,7        | 6         | 100        |
| <b>Tổng</b> | <b>861</b> | <b>861</b>  | <b>100</b> | <b>806</b>   | <b>93,6</b> | <b>55</b> | <b>6,4</b> | <b>806</b>     | <b>93,6</b> | <b>55</b> | <b>6,4</b> | <b>28</b> | <b>100</b> |

## 2. Danh hiệu phần đầu của giáo viên:

| Danh hiệu  | Tổ 1+2+ 3                         | Tổ 4+5                            | Tổ VP                            | Tổng hợp                           |
|--|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| Giáo viên dạy giỏi cấp trường                              | 19                                | 19                                | 0                                | 38                                 |
| Giáo viên dạy giỏi cấp huyện                               | 1                                 | 3                                 | 0                                | 4                                  |
| CSTD cấp cơ sở, Giấy khen của UBND Huyện                   | 3                                 | 5                                 | 0                                | 8                                  |
| Lao động tiên tiến   | 21                                | 21                                | 2                                | 44                                 |
| SKKN đạt cấp cơ sở (Huyện)                                 | 3                                 | 5                                 | 0                                | 8                                  |
| Xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp, CBQL theo chuẩn HT, HP | Tốt: 10<br>Khá: 9                 | Tốt: 8<br>Khá: 12                 | Tốt: 0<br>Khá: 0                 | Tốt: 18<br>Khá: 21                 |
| Xếp loại Viên chức, người lao động                         | HTXSNV: 4<br>HTTNV: 17<br>HTNV: 0 | HTXSNV: 8<br>HTTNV: 13<br>HTNV: 0 | HTXSNV: 0<br>HTTNV: 2<br>HTNV: 0 | HTXSNV: 12<br>HTTNV: 32<br>HTNV: 0 |

## 2.3. Chỉ tiêu khác

### 2.3.1. Hoạt động ngoài giờ lên lớp

a. Thời gian triển khai thực hiện: Từ tháng 9/2024 đến hết tháng 5/2025

b. Nội dung, chương trình hoạt động ngoại khóa:

b.1. Nội dung xoay quanh 4 hoạt động chính:

- Hoạt động VH - NT: Giới thiệu hoặc tìm hiểu nét đẹp văn hóa người Hải Dương, tổ chức các hoạt động nâng cao ý thức đọc sách, ...; Hướng dẫn HS vẽ tranh, nặn tượng, làm đồ thủ công, đồ tái chế, ...; Tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, đọc thơ, kể chuyện; trình diễn thời trang; Triển lãm tranh tự vẽ; Tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, ...

- Hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao: Hướng dẫn HS: Tổ chức các trò chơi dân gian; Đồng diễn thể dục,...; các trận thi đấu thể thao:, cờ vua, bóng đá, ...  
Cụ thể:

+ Thi bóng đá mini: Lọt vào vòng cấp huyện

+ Cờ vua:

- Hoạt động thực hành khoa học: Xây dựng các dự án và triển khai dạy STEM/STEAM, chú trọng 2 hình thức: Bài học STEM và HĐTN STEM.

- Hoạt động lao động công ích; Tổ chức lao động vệ sinh làm sạch, đẹp các công trình văn hóa - lịch sử, ..

- Các hoạt động mang tính xã hội: Tổ chức ủng hộ đồng bào, HS vùng bão lụt,...; Tổ chức giao lưu với HS khuyết tật, trẻ mồ côi; Tổ chức các hoạt động từ thiện: vòng tay bè bạn, giúp nhau cùng tiến,...

## *b.2. Chương trình hoạt động ngoại khóa*

### *b.2.1. Các điểm cho HS đi trải nghiệm thực tế:*

- Đền thờ Trịnh Xuyên xã Nghĩa An

- Đền thờ Khúc Thừa Dụ- xã Kiến Quốc

### *b.2.2. Các hoạt động ngoại khóa tại trường: Phụ lục Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025*

- Hoạt động tháng:

+ Thi tìm hiểu về ATGT dưới các hình thức: vẽ tranh, sân khấu hóa, diễn kịch, đóng vai (khối 1, 2, 3); vẽ tranh cổ động, đóng tiểu phẩm tuyên truyền về ATGT (khối 4, 5); tham gia hoạt động hướng dẫn HS khối 1, 2 khi thực hiện an toàn cổng trường; tham dự các buổi tuyên truyền do cán bộ công an xã phụ trách.

+ Tìm hiểu về văn hoá dân gian qua hoạt động "*Vui Tết Trung thu*": Tổ chức Vui Tết Trung thu cho HS với các hoạt động: múa, hát, đóng tiểu phẩm Chú Cuội-Chị Hằng.

+ Tổ chức tuần lễ Đọc sách nhân ngày sách Việt Nam nhằm tôn vinh và lan toả văn hoá đọc (Tháng 4/2025).

+ Ngày hội thiếu nhi vui khỏe tiến bước lên đoàn.

+ Thi Kể chuyện theo sách: tháng 4/2025

+ Tổ chức chào mừng các ngày lễ lớn: 20/10, 20/11, 8/3, ...

+ Điều hành 22/12, tham gia các trò chơi dân gian kỉ niệm ngày 22/12

### *b.2.3. Nguyên tắc xây dựng các hoạt động ngoại khóa*

- Gắn kết các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Phân đầu mỗi tháng tổ chức được ít nhất 1 hoạt động ngoại khóa quy mô khối, trường.

## **2.3.2. An toàn, an ninh trường học**



- 100% HS tham dự các buổi tuyên truyền, giáo dục về: Phòng chống tai nạn thương tích; các quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; quy định xử lý HS sử dụng các chất gây nghiện; an toàn giao thông của Ban chỉ đạo Quốc gia về giáo dục phòng chống AIDS-Ma túy, về an toàn giao thông, PCCC và Vệ sinh An toàn thực phẩm để nâng cao ý thức, đề cao cảnh giác trong mỗi HS.

- 100% HS không dùng chất kích thích như thuốc lá điện tử, rượu bia; ....

- 100% các lớp thực hiện nghiêm túc các quy định về “Đảm bảo ATGT”, xây dựng công trường an toàn giao thông, phân luồng xe, quy định chỗ đỗ xe, ...

### **2.3.3. Chỉ tiêu về bán trú**

- Tỷ lệ HS ăn bán trú: Trên 19 %.

- Chất lượng bữa ăn: Đảm bảo các quy định về bán trú theo quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học.

### **2.3.4. Chỉ tiêu về phổ cập**

- Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1: đạt 100% (kể cả HS KT)

- Huy động trẻ khuyết tật hòa nhập đạt 100% (5 HS)

- 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: đạt 100%

- Duy trì tỉ lệ và chất lượng kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, duy trì sĩ số 100%, toàn trường không có HS bỏ học.

## **IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC**

### **1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

Căn cứ Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, trường Tiểu học Nghĩa An ban hành kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học 2024 - 2025 được thể hiện trong Phụ lục 1.1.

Các tổ chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp HS vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực HS của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của HS.

### **2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

#### **2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học 2024 - 2025**

*Kế hoạch cụ thể tại Phụ lục 1.2*

## **2.2. Tổ chức hoạt động cho HS trong thời gian bán trú tại trường và sau giờ học chính thức trong ngày**

*Kế hoạch cụ thể tại Phụ lục 1.3*

### **Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025**

- Thực hiện Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 cụ thể đối với giáo dục Tiểu học:

Trường TH Nghĩa An thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 cụ thể theo Phụ lục 1.4.

| Ngày tựu trường                | Ngày khai giảng | Ngày bắt đầu HK I  | Ngày kết thúc HKI | Ngày bắt đầu HK II   | Ngày kết thúc HK II  | Kết thúc năm học     |
|--------------------------------|-----------------|--|-------------------|--|----------------------|----------------------|
| 22/8/2024<br>(Khối 1)          | 05/9/2024       | 06/9/2024  | 17/01/2025        | 20/01/2025   | Trước ngày 30/5/2025 | Trước ngày 31/5/2025 |
| 29/8/2024<br>(Khối 2, 3, 4, 5) | 05/9/2024       | (Gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). |                   | (Gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). |                      |                      |

Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2025.

Hoàn thành tuyển sinh vào lớp 1 trước ngày 31/7/2025.

- Căn cứ Thông tư 28/2020 của Bộ GD&ĐT về Điều lệ trường tiểu học, Bộ Luật lao động 2019, thời gian trường Tiểu học Nghĩa An thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025, tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học: *Xem phụ lục 1.4.*

- Khung thời gian hoạt động trong ngày:

| <b>HOẠT ĐỘNG</b>                | <b>THỜI GIAN</b>   |                    |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                 | <b>MÙA HÈ</b>      | <b>MÙA ĐÔNG</b>    |
| <b><i>Sinh hoạt đầu giờ</i></b> | 6h45 - 7h00        | 7h00- 7h15         |
| Tiết 1                          | 7h00- 7h40         | 7h15 - 7h55        |
| Tiết 2                          | 7h40 - 8h25        | 7h55 - 8h40        |
| <b>Ra chơi</b>                  | <b>8h25 - 8h50</b> | <b>8h40 - 9h05</b> |
| Tiết 3                          | 8h50 - 9h30        | 9h05 - 9h45        |
| Tiết 4                          | 9h30 - 10h10       | 9h45 - 10h25       |

| HOẠT ĐỘNG                       | THỜI GIAN            |                      |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | MÙA HÈ               | MÙA ĐÔNG             |
| <b>Nghỉ trưa</b>                | <b>11h00 - 13h00</b> | <b>11h00 - 13h00</b> |
| <b><i>Sinh hoạt đầu giờ</i></b> | <b>13h15 – 13h30</b> | <b>13h15 – 13h30</b> |
| Tiết 5                          | 13h30 - 14h10        | 13h30 - 14h10        |
| Tiết 6                          | 14h10 – 14h55        | 14h10 – 14h55        |
| <b>Ra chơi</b>                  | <b>14h55 - 15h20</b> | <b>14h55 - 15h20</b> |
| Tiết 7                          | 15h20 - 16h00        | 15h20 - 16h00        |

## V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Thực hiện, phát huy hiệu quả nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua

Thực hiện hiệu quả chủ đề năm học “*Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng*” bằng những hoạt động cụ thể:

Dự kiến các tiêu chí đánh giá như sau:

*Tiêu chí 1. Tiêu chí về đổi mới và sáng tạo trong quản lý*

- Ứng dụng công nghệ thông tin: Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý giáo dục, như triển khai hệ thống quản lý học sinh, phần mềm quản lý đào tạo, và sử dụng công nghệ trong dạy học.

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện: Tạo ra môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, bình đẳng, trong đó mọi thành viên đều có cơ hội phát triển bản thân.

*Tiêu chí 2. Tiêu chí về đổi mới và sáng tạo trong giảng dạy*

- Phát triển phương pháp giảng dạy sáng tạo: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, sáng tạo, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập, như học qua thực hành, hay ứng dụng các công cụ học tập trực tuyến.

- Đa dạng hóa nội dung giảng dạy: Khả năng thiết kế, tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng học sinh, chú trọng phát triển năng lực cá nhân và năng lực làm việc nhóm.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy: Đo lường qua kết quả học tập của học sinh, phản hồi từ phụ huynh, và sự tiến bộ trong kỹ năng của học sinh sau khi áp dụng các phương pháp giảng dạy mới.

*Tiêu chí 3. Tiêu chí về đổi mới và sáng tạo trong học tập*

- Khuyến khích tự học và học tập suốt đời: Xây dựng và thực hiện các chương trình khuyến khích học sinh tự học, phát triển thói quen học tập suốt đời, sử dụng các nguồn tài liệu học tập mở và trực tuyến.

- Phát triển kỹ năng mềm: Học sinh được rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, và giải quyết vấn đề thông qua các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm sáng tạo.

*Tiêu chí 4. Tiêu chí về kết quả đạt được và sự lan tỏa của phong trào*

- Tỷ lệ đạt chuẩn và vượt chuẩn: Tỷ lệ giáo viên và học sinh đạt chuẩn về chất lượng giảng dạy và học tập theo quy định của ngành giáo dục.

- Đóng góp vào cộng đồng: Sự tham gia tích cực của giáo viên và học sinh trong các hoạt động cộng đồng, chia sẻ tri thức, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Lan tỏa phong trào: Mức độ lan tỏa của phong trào thi đua thông qua các hoạt động, sáng kiến được nhân rộng và áp dụng thành công ở các năm sau.

*Tiêu chí 5. Tiêu chí về khen thưởng và công nhận*

- Đạt chỉ tiêu số lượng sáng kiến được công nhận: Số lượng sáng kiến, đề tài đổi mới trong quản lý, giảng dạy và học tập được công nhận và áp dụng thực tiễn.

- Đạt chỉ tiêu kết quả khen thưởng: Số lượng được công nhận, khen thưởng bởi các cấp quản lý giáo dục từ cấp trường đến cấp quốc gia.

Các tiêu chí trên nhằm đánh giá toàn diện và chính xác các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong ngành giáo dục, đồng thời khuyến khích các cá nhân tiếp tục phấn đấu và đóng góp vào sự phát triển bền vững của giáo dục trong giai đoạn 2020-2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức HCM bằng những việc làm cụ thể trong công tác quản lý, trong các hoạt động dạy - học. Đa dạng hóa hình thức thể hiện một cách gần gũi như sân khấu hóa, tổ chức phát thanh măng non... để dễ truyền tải tới HS tấm gương đạo đức HCM.

## **2. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục linh hoạt**

Bắt đầu từ năm học 2024-2025, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với 5 khối lớp.

### **2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

*Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học*

*\* Kế hoạch giáo dục nhà trường*

Căn cứ vào thời gian biên chế năm học và thực tiễn, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường (theo phụ lục 1, Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH).

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học, phù hợp với địa phương, bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh,

điều kiện thực hiện của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thời gian năm học của tỉnh Hải Dương và các chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện Ninh Giang.

Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Trong quá trình dạy học, giáo viên phải tổ chức cho học sinh cả lớp được trải nghiệm khám phá kiến thức dưới hình thức học thông qua chơi và được vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

*\* Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục:*

Chỉ đạo các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch thời gian năm học và chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục địa phương, nội dung tích hợp, lồng ghép và kế hoạch tăng thêm ở mỗi khối, lớp để xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trình Hiệu trưởng phê duyệt (theo phụ lục 2, Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH).

Kế hoạch dạy học các môn học đảm bảo mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong SGK, các nội dung tích hợp; đặc điểm địa phương, điều kiện CSVC, thiết bị của nhà trường và đặc điểm của học sinh.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung sau: nội dung giáo dục của địa phương, giáo dục ATGT, giáo dục Stem, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục quyền con người, giáo dục bảo vệ môi trường;.....thực hiện với hình thức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

Tiếp tục tổ chức thực hiện dạy tiết đọc sách theo mô hình thư viện thân thiện trường tiểu học phù hợp; ứng dụng phần mềm thư viện điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện, trong đó đảm bảo thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà với hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, nhu cầu của học sinh đảm bảo hiệu quả, thiết thực và đúng quy định.

*\* Kế hoạch bài dạy:*

Giáo viên căn cứ vào kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục được tổ chuyên môn thống nhất và đã được Hiệu trưởng phê duyệt; căn cứ vào yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình, SGK, các điều kiện dạy học và đặc điểm của học sinh lớp phụ trách xây dựng kế hoạch bài dạy (*theo phụ lục 3, công văn 2345/BGDĐT-GDTH*)

Mỗi giáo viên cần chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong xây dựng kế hoạch bài dạy, có thể thay đổi ngữ liệu trong SGK cho phù hợp với tình hình thực tiễn và năng lực của học sinh (*sử dụng ngữ liệu trong bộ SGK khác phù hợp với đánh học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất, đặc biệt là ở các tiết tăng thêm*). Trong mỗi hoạt động giáo viên cần thể hiện cụ thể nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động; không nhất thiết phải nêu mục tiêu hoạt động. Điều này phải được thể hiện rõ trong Phân phối chương trình (Kế hoạch dạy học) cá nhân.

## **2.2. Thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục**

### **2.2.1. Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục trong thời gian có biến cố bất thường**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, ... bảo đảm an toàn và hoàn thành chương trình. Cụ thể:

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc thay đổi, cắt xén, dồn ép cơ học kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm đảm bảo đúng yêu cầu cần đạt của chương trình 2018. 100% HS phải được học các môn học/ HĐGD cốt lõi. Các môn học tăng cường bảo đảm sự linh hoạt, chủ động, hiệu quả, đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ và thực hiện linh hoạt khung thời gian năm học đã ban hành.

- Tạo trước lớp học trực tuyến cho các lớp; ... đảm bảo sự chủ động trong dạy học khi có sự cố.

- Kế hoạch dạy học các khối lớp linh hoạt, sử dụng linh hoạt các hình thức học tập khác: học trên truyền hình, trên các kênh giáo dục, ... đảm bảo đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chương trình hiện tại.

- Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi đối với HS lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, GV trong nhà trường cần quan tâm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, học liệu dạy học trực tuyến; cha mẹ HS được thông báo lịch học, hướng dẫn sử dụng và chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng phối hợp cùng GV hỗ trợ cho HS trong quá trình học trực tuyến tại nhà; thời khóa biểu phải được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các môn học, phân bổ hợp lý về thời lượng dạy học trong tiết học/buổi học, thời điểm tổ chức học trong ngày và trong tuần phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS, không gây áp lực đối với HS; ưu tiên dạy học môn Tiếng Việt, môn Toán, TN-XH

(Khoa), LS-ĐL, ... đảm bảo giúp HS hình thành các kỹ năng cơ bản cần thiết ban đầu, lựa chọn các nội dung dạy học phù hợp với hình thức dạy trực tuyến; thực hiện sắp xếp các chủ đề học tập, sử dụng kho học liệu điện tử kèm theo các bộ sách giáo khoa để xác định các nội dung có thể tổ chức dạy học trực tuyến. Việc sử dụng các ứng dụng trong dạy học trực tuyến do Nhà trường quy định, đảm bảo thống nhất chung nhà trường, đảm bảo công tác lưu trữ.

- GV các khối lớp tiếp tục chủ động xây dựng kho bài giảng dùng chung cho các môn học để tạo điều kiện cho HS học tập ở nhà.

- Số tiết dạy/tuần:

| TT                                  | Môn học và hoạt động giáo dục    | Khối lớp 1 | Khối lớp 2 | Khối lớp 3 | Khối lớp 4 | Khối lớp 5 |
|-------------------------------------|----------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>I. Môn học/HĐGD bắt buộc</b>     |                                  | <b>25</b>  | <b>25</b>  | <b>28</b>  | <b>30</b>  | <b>30</b>  |
| 1                                   | Tiếng Việt                       | 12         | 10         | 7          | 7          | 7          |
| 2                                   | Toán                             | 3          | 5          | 5          | 5          | 5          |
| 3                                   | Đạo đức                          | 1          | 1          | 1          | 1          | 1          |
| 4                                   | Tự nhiên và Xã hội (Khoa học)    | 2          | 2          | 2          | 2          | 2          |
| 5                                   | Nghệ thuật (Âm nhạc)             | 1          | 1          | 1          | 1          | 1          |
| 6                                   | Nghệ thuật (Mĩ thuật)            | 1          | 1          | 1          | 1          | 1          |
| 7                                   | Giáo dục thể chất                | 2          | 2          | 2          | 2          | 2          |
| 8                                   | Lịch sử - Địa lí                 |            |            |            | 2          | 2          |
| 9                                   | Hoạt động trải nghiệm            | 3          | 3          | 3          | 3          | 3          |
| 10                                  | Ngoại ngữ 1                      |            |            | 4          | 4          | 4          |
| 11                                  | Tin học và Công nghệ (Công nghệ) |            |            | 1          | 1          | 1          |
| 12                                  | Tin học và Công nghệ (Tin học)   |            |            | 1          | 1          | 1          |
| <b>II. Môn học/HĐGD tự chọn</b>     |                                  |            |            |            |            |            |
| 1                                   | TA                               | 2          | 2          |            |            |            |
| 2                                   | Tin học                          | 1          | 1          |            |            |            |
| <b>III. Môn học/HĐGD tăng cường</b> |                                  |            |            |            |            |            |
| 1                                   | Toán*                            | 02         | 02         | 03         | 02         | 02         |
| 2                                   | Tiếng Việt *                     | 04         | 04         | 03         | 02         | 02         |
| 3                                   | GDTC*                            | 01         | 01         | 01         | 01         | 01         |

2.2.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục trong điều kiện bình thường

Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục linh hoạt, phù hợp thực tế. Cụ thể:

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với 5 khối lớp theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT ban hành. Trong đó, tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

- Bảo đảm tỷ lệ 1 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bảo đảm tỷ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định.

- Xây kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chức dạy học các môn học theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 và các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học của Sở GDĐT, Phòng GD - ĐT. Việc xây dựng kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục được sắp xếp hài hòa, đảm bảo thời lượng theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo quy định. Tích hợp các nội dung: quyền con người, AN-QP, BVMT, ... linh hoạt, hợp lí, tự nhiên, tránh gò bó, khiên cưỡng. (*Kế hoạch dạy học tự động các khối lớp*)

Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (100% HS học 2 buổi/ ngày; 10 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học văn hóa, kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học, các hoạt động củng cố tăng cường và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu được sắp xếp đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.

Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục tích hợp, lồng ghép: giáo dục địa phương, STEM, giáo dục bơi, tin học, tiếng Anh, ...

Tập trung thực hiện kiểm tra nắm bắt những khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 4, 5; tổ chức chuyên đề, Hội thảo đối với GV dạy lớp 4, 5 nhằm tháo gỡ vướng mắc trong chuyên môn; tiếp tục bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cho khối 4, 5 theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.



- Số tiết dạy/tuần: *Phụ lục 1*

- Tiếp cận phong cách học của học sinh cấp 2 (khối 5), năm học 2024-2025, nhà trường đặc biệt chú trọng:

+ Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng HS; không cắt xén cơ học, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện (*Thời khóa biểu*).

+ Tiếp tục tập trung hướng dẫn HS các hình thức ghi chép thông minh để nâng cao hiệu quả học tập cho HS.

+ Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của HS. Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho HS, trong đó phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục HS hiệu quả, thiết thực. Trung bình, mỗi tháng nhà trường tổ chức 1 hoạt động lớn ứng với chủ điểm tháng. *Phụ lục 1.2*.

+ Tổ chức chuyên đề, thảo luận về tổ chức dạy học cho HS lớp 5 để HS được chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn tại Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ GDĐT (*Kế hoạch dạy học TCM khối 5*).

Thực hiện hiệu quả kế hoạch dạy học tích hợp vào các môn học và hoạt động giáo dục (về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, biển, đảo; Quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; An toàn giao thông; phòng chống tai nạn thương tích; Phòng chống bạo lực học đường; BVMT.....).

Tổ chức hoạt động hiệu quả các câu lạc bộ sinh hoạt sau giờ học chính khoá: Bóng đá, Cờ vua, câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ toán...

Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, có sự thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo đúng quy định, hướng dẫn của các cơ quan quản lý; hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, các năng lực, phẩm chất cần thiết, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, có thể bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,... cho học sinh; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm các quy định về tổ chức bán trú và an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí; việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ phải bảo đảm đúng quy định và được lãnh đạo địa phương nhất trí và được Phòng GDĐT phê duyệt trước khi thực hiện.

### **3. Nâng cao chất lượng dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

#### *3.1. Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1*

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn ở lớp 1, lớp 2, sử dụng Bộ SGK Global của Bộ GD để bảo đảm tính liên thông với Tiếng Anh lớp 3, 4, 5; thời lượng dạy học 2 tiết/ tuần; thực hiện kiểm tra đánh giá đúng TT27, chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp, xét danh hiệu thi đua.

- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: Thực hiện theo quy định của Bộ GD: 4 tiết/ tuần, sử dụng Bộ SGK Global của Bộ GD.

Triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT bảo đảm chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của địa phương.

#### *3.2. Dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục môn tin học*

Rà soát, thống kê số máy tính hư hỏng, xây dựng kế hoạch mua sắm thay thế, bổ sung nhằm giúp cho học sinh có đủ máy thực hành đáp ứng mục tiêu môn học theo chương trình 2018 quy định;

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với thời lượng 35 tiết/lớp/năm học; thực hiện tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Tổ chức dạy học tự chọn Tin học đối với khối lớp 1, 2 với thời lượng 1 tiết/tuần.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Căn cứ vào điều kiện thực tế, đội ngũ giáo viên, tăng cường hoạt động giáo dục Tin học và giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2 để thực hiện “*hình thành sớm các kỹ năng*

*cần thiết cho công dân số”* đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5.

Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, của Sở GDĐT, PGD huyện Ninh Giang.

#### **4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018**

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nội dung giáo dục địa phương từ lớp 1 đến lớp 5 theo hướng dẫn số 3036/BGD&ĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học; công văn số 1083/SGD&ĐT-GDTH ngày 13/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học từ năm học 2021-2022; công văn số 164/SGD&ĐT-GDTH ngày 23/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hướng dẫn dạy học nội dung dạy học “Địa phương em” trong chương trình môn Lịch sử và Địa lý lớp 4 cấp tiểu học. Tài liệu giáo dục địa phương của Tỉnh đã được Bộ GDĐT phê duyệt.

#### **5. Thực hiện giáo dục STEM**

Tổ chuyên môn rà soát, đánh giá hiệu quả các *dự án STEM, tiết dạy STEM, hoạt động trải nghiệm giáo dục STEM*

Lập kế hoạch dạy STEM - *Phụ lục 1.4.1*. Khai thác hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định<sup>1</sup>.

#### **6. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật**

- Triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại các trường khuyết tật thực hiện theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.

- Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Hướng dẫn chỉ đạo GV có HS khuyết tật lập kế hoạch học tập cá nhân phù hợp với từng đối tượng và giảng dạy sao cho HS khuyết tật nắm được các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng sống theo khả năng của HS.

<sup>1</sup> Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Đối với HS khuyết tật, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật, đánh giá giảm nhẹ theo Luật người khuyết tật.

### **7. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

- Tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất như võ cổ truyền, cờ vua, bóng đá, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

+ Tổ chức cho học sinh thực hiện chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, trồng và chăm sóc các bồn hoa trong trường, lao động dọn vệ sinh trường và các công trình trong khuôn viên nhà trường nhằm hình thành ở các em những phẩm chất của người lao động mới: Yêu lao động, quý trọng người lao động, giúp các em có được các kỹ năng lao động phục vụ cho sinh hoạt và chuẩn bị cho học sinh các kỹ năng lao động cần thiết trong tương lai.

+ Tổ chức các hoạt động tập thể nhân các ngày lễ lớn phù hợp với chủ điểm sinh hoạt để học sinh được trang bị thêm kiến thức, tăng cường khả năng giao lưu, trao đổi, rèn luyện kỹ năng ứng xử, kỹ năng sống, xung hô thân mật, có thái độ tích cực trong việc bảo vệ môi trường. Ngoài ra tổ chức cho các em trải nghiệm, bày mâm cỗ trung thu,..

+ Tổ chức cho các em thăm quan di tích lịch sử, thăm quan cảnh đẹp địa phương nhằm hình thành cho các em lòng tự hào về truyền thống quê hương. Đồng thời lấy ý kiến phụ huynh học sinh cho các em tham quan học tập trải nghiệm thực tế ở một số nơi trong huyện, tỉnh.

Phụ lục 1.2.

### **8. Chỉ đạo dạy và học 2 buổi/ngày; tổ chức bán trú; giáo dục bơi**

#### *8.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện dạy và học 2 buổi/ngày*

Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày, 10 buổi/ tuần đảm bảo yêu cầu: linh hoạt, phù hợp thực tiễn nhà trường. Học sinh được tự học có sự hướng dẫn của giáo viên để hoàn thành nội dung học tập tại lớp, không giao bài tập về nhà cho học sinh. Thành lập các câu lạc bộ yêu thích môn học, tổ chức quản lý các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, hoàn thiện và nâng cao năng lực phẩm chất học sinh. Hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt, sáng tạo nhằm thu hút đông đảo học sinh tích cực tham gia. Thể hiện tại mục III.1.

Thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng khiếu, năng lực, thể chất học sinh.

Triển khai tổ chức các hoạt động tập thể ngoài giờ chính khóa đảm bảo các nội dung quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Xây dựng kế hoạch phối hợp cùng Đoàn xã, Ban đại diện CMHS nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các môn học/hoạt động giáo dục tự chọn, tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm.

Tích cực, chủ động triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

### 8.2. Tổ chức bán trú cho HS

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của HS, cha mẹ HS và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên. Việc tổ chức các hoạt động bán trú tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện HS về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú linh hoạt, bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, giải trí (xem tivi, đọc sách/ truyện, ...), giáo dục kỹ năng sống (lau bàn, dọn bát, thìa, chải tóc,...) cho HS; tổ chức ăn trưa, bán trú bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho HS.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức bán trú đảm bảo an toàn, hiệu quả.

### 8.3. Giáo dục bơi cho HS tiểu học

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án “Giáo dục bơi cho HS tiểu học”. Tích cực tuyên truyền và phối hợp chặt chẽ với CMHS để tăng cường dạy thực hành bơi cho HS, nhất là với HS lớp 3, 4, 5.

## 9. Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá HS Tiểu học

### 9.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT, các tiết dạy chuyên đề, các tiết dạy được đánh giá xuất sắc, sáng tạo trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp thành phố để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý theo lộ trình (thể hiện rõ trong Kế hoạch ứng dụng CNTT trong nhà trường năm học 2024-2025), bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

### *9.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá*

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức chuyên đề, hướng dẫn các giáo viên nhất là đối với giáo viên dạy lớp 5 về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

## **10. Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục**

*10.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thông qua công tác bồi dưỡng thường xuyên*

- Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ CBQL và GV về quan điểm, nội dung đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

- Chỉ đạo và tạo điều kiện tốt nhất để 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các buổi học bồi dưỡng trực tuyến và trực tiếp.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GV theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực.

- Tập trung bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV về nội dung, quan điểm đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo của cấp học; có nhận thức đúng đắn về việc triển khai áp dụng một số nội dung, mô hình, phương pháp dạy học mới; đặc biệt chú trọng bồi dưỡng năng lực CNTT, đảm bảo 100% GV, NV nhà trường đủ NL công nghệ trong thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường. (*Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024 - 2025*).

+ Ngay từ tháng 8 nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên, chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng của cá nhân và nghiêm chỉnh thực hiện kế hoạch tự bồi dưỡng cá nhân. Trong đó đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và triển khai kế hoạch theo đúng lịch. Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, nhu cầu bồi dưỡng của gv, nhà trường lựa chọn nội dung bồi dưỡng đảm bảo đáp ứng nguyện vọng bồi dưỡng của giáo viên.

+ Tổ chức hiệu quả chuyên đề cấp trường: Ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực nhằm nâng cao năng lực học sinh: kỹ thuật lớp học đảo ngược, dạy học theo trạm, xây dựng bài giảng PowerPoint, sử dụng phần mềm minmap,...

- Tiếp tục tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

- 100% cán bộ quản lý và GV truy cập vào tài khoản đã được Viettel cung cấp để học tập nghiên cứu theo yêu cầu bồi dưỡng của từng module trên hệ thống: ***"taphuan.csdl.edu.vn."***

- GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; tích cực nghiên cứu khoa học, áp dụng sáng kiến trong công tác giảng dạy và giáo dục.

*10.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thông qua tổ chức các chuyên đề và sinh hoạt tổ chuyên môn*

Sinh hoạt tổ chuyên môn được thực hiện theo quy định của thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ GDĐT và công văn 1315/BGDĐT-GDTH, ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học được cụ thể hóa tại công văn 792/SGDĐT-GDMNTH ngày 05/5/2020 của Sở GDĐT về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn theo công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020;

Chỉ đạo chuyên môn sinh hoạt chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt, hoạt động dự giờ, tổ chức chuyên đề hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, chú trọng kỹ thuật đánh giá thường xuyên; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

Tăng cường các chuyên đề theo nghiên cứu bài học để bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Duy trì tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ khối theo hướng thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy như:

- Tiếp tục chia sẻ, tìm hiểu chương trình phổ thông 2018 các khối lớp phù hợp qua thực tế giảng dạy trên lớp nhằm điều chỉnh, bổ sung hợp lý theo đặc trưng môn học/Hoạt động giáo dục;

- Thảo luận về các hình thức, phương pháp tổ chức dạy học các hoạt động giáo dục STEM tích hợp vào các môn học trong năm 2024 – 2025;

- Thảo luận các nội dung tích hợp, lồng ghép: ATGT, GDĐP, ANQP, LTCM, quyền con người, tiết kiệm nguồn nước, giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa, ...kế hoạch dạy bù các ngày nghỉ lễ, ... để xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp có hiệu quả;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học các môn học/HĐGD

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì các năng lực, phẩm chất của học sinh.

- Thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm (sinh hoạt dưới cờ) cho học sinh,..

Động viên GV nhiệt tình tham gia đề xuất ý kiến trong SHCM, ý kiến qua trang mạng thông tin “nội bộ của trường”. Tổ chuyên môn sinh hoạt 2 lần/tháng. Tiếp tục duy trì sinh hoạt chuyên môn các bộ môn chuyên biệt liên kết theo hình thức nhóm chuyên môn theo cụm trường như năm học trước. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn bảo đảm thực chất, hiệu quả, trải đều ở tất cả các tổ chuyên môn đi sâu vào các vấn đề mới, khó tập trung bàn thảo các giải pháp để thực hiện có hiệu



quả cao. Ban giám hiệu thường xuyên dự sinh hoạt tổ chuyên môn để nắm bắt tình hình cũng như chỉ đạo cụ thể để nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn.

Nhà trường triển khai kế hoạch thực hiện chuyên đề tới tổ chuyên môn. Tăng cường tổ chức các chuyên đề về dạy - học các môn học. Mỗi tổ chuyên môn dự kiến đăng kí thực hiện ít nhất 01 chuyên đề cấp trường, 02 chuyên đề cấp tổ; quan tâm thực hiện chuyên đề các môn học ở tổ khối 5.

Dịp 20/11, mỗi GV đăng ký 01 tiết thao giảng lồng ghép dự thi GV dạy giỏi cấp trường, ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá HS.

### *10.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục thông qua tổ chức các Hội thi GV dạy giỏi*

Thực hiện chỉ đạo theo tinh thần dạy đủ môn và ở các khối lớp theo đúng tinh thần TT 22/TT-BGDĐT, ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về Hội thi GV dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; GV dạy giỏi, GV chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổ chức trên nguyên tắc:

- GV tự nguyện tham gia; không ép buộc, không tạo áp lực cho GV tham gia Hội thi; đảm bảo tính trung thực, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đảm bảo thực chất.

- Đảm bảo đúng quy định của chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành.

- Tiến hành tổ chức thi GV dạy giỏi cấp trường lồng ghép thao giảng trong tháng 10 và tháng 11/2024.

- Lấy kết quả thi GV dạy giỏi cấp trường là một trong các tiêu chí chọn cử GV dự thi GV giỏi các cấp.

## **12. Xây dựng và thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn**

Phối hợp cùng Công đoàn xây dựng và thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn (*Quy chế chuyên môn trường tiểu học Nghĩa An*).

## **13. Nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện góp phần nâng cao chất lượng dạy, học**

Chỉ đạo các nhân viên thư viện, giáo viên nhà trường chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường và địa phương.

Tiếp tục duy trì mô hình thư viện thân thiện, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Nhân viên thư viện xây dựng kế hoạch và phối kết hợp giáo viên phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử giúp các giáo viên tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cùng với giáo viên, học sinh xây dựng tủ sách giáo khoa dùng chung để bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa phục vụ hoạt động dạy và học lâu dài.

Tạo điều kiện để nhân viên thư viện được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh

Xây dựng thời khóa biểu và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc thực hiện tiết đọc thư viện và tiết học thư viện theo quy định.

Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Kết hợp với trường TH Ninh Hòa tổ chức chuyên đề: Nâng cao chất lượng hoạt động thư viện trường học và tổ chức hội thảo về tiết đọc, tiết học thư viện trường học.

#### **14. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

##### *a) Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

Chủ động tham mưu với PHHS, các cấp lãnh đạo ưu tiên đầu tư đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, chú trọng các thiết bị dạy môn Tin học, Thể dục, Mỹ thuật, Tiếng Anh.

Đầu năm học, nhà trường rà soát công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có, chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên căn cứ thiết bị hiện có xây dựng kế hoạch sử dụng, bổ sung thiết bị dạy học, khai thác học liệu điện tử trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học; tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học trên lớp đối với giáo viên.

Chỉ đạo bộ phận thư viện rà soát, bổ sung các sách tham khảo, thiết bị tài liệu phục vụ tốt nhất cho việc giảng dạy Chương trình 2018, lập danh sách các thiết bị, đồ dùng cần ưu tiên bổ sung.

Chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Phấn đấu 100% các phòng học đều có ti vi kết nối mạng.

Duy trì thư viện điện tử. Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện, xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong nhà trường góp phần nâng cao

chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS; xây dựng và phát triển tủ sách dùng chung để lưu trữ sách giáo khoa sử dụng lâu dài.

*b) Xây dựng kho học liệu số - Phát triển kho học liệu bài giảng minh họa, học liệu điện tử*

Phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử trên cơ sở lựa chọn GV giỏi các môn học, hoạt động giáo dục để tổ chức xây dựng các video bài giảng, giúp GV tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng khi dịch bệnh diễn biến tiêu cực thông qua hình thức tổ chức dạy học dạy học trực tuyến đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, kỹ năng của GV, khả năng tiếp thu, lĩnh hội và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của HS.

### **15. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” ban hành theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 (Quyết định số 131) phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại nhà trường. Cụ thể:

- Ứng dụng công nghệ trong dạy học và giáo dục, quản lý giáo dục, lưu trữ dữ liệu, xây dựng các loại kế hoạch,...

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo như: Đầu tư máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, ...

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ GV, NV nhà trường.

- Duy trì 100% GV nhà trường sử dụng hồ sơ điện tử thay thế hồ sơ giấy.

- Sử dụng học bạ điện tử thay thế học bạ thông thường.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học bắt buộc cho 100% HS thực hiện lộ trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo và trên phần mềm phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đúng tiến độ quy định. Khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kế hoạch giáo dục nhà trường, đội ngũ CB, GV, HS. Thực hiện quản lý hồ sơ điện tử thay thế hồ sơ giấy bảo đảm tinh gọn và hiệu quả.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá HS.

## **16. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học**

Thành lập Ban truyền thông nhà trường, sử dụng hiệu quả hình thức truyền thông qua Facebook nhà trường zalo các nhóm lớp, ... cập nhật tin tức kịp thời, nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp, hấp dẫn đến HS, CMHS.

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học.

Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý viết bài và đưa tin các hoạt động của Ngành, của nhà trường trên các trang Webservice về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, các quy định của Ngành đến được từng cán bộ, GV, người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Hiệu trưởng:**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường; Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ;

- Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn;

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục; phân công viên chức thường xuyên vào Website của Phòng GDĐT nhóm Zalo CBQL để kịp thời nắm bắt thông tin và thực hiện các nội dung chỉ đạo của Phòng GDĐT đúng thời gian quy định;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình GDPT năm 2018 của giáo viên;

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên. Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường;

- Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường; quyết định khen thưởng, kỷ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường;

- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch, kịp thời điều chỉnh, tư vấn để bán sát và thực hiện tốt các nội dung, tiêu chí đã xây dựng trong kế hoạch năm học;

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

## **2. Đối với Phó Hiệu trưởng:**

- Quản lý, chỉ đạo hoạt động chuyên môn và các hoạt động được phân công phụ trách; phụ trách công tác kiểm định chất lượng, công tác phổ cập, hoạt động ngoài giờ, tư vấn tâm lý học đường, thư viện - thiết bị, công nghệ thông tin của nhà trường. Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế nhà trường;

- Cùng với Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình của giáo viên;

- Thực hiện xây dựng các kế hoạch, báo cáo định kỳ, đột xuất đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định. Quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn;

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục;

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề cấp trường về dạy học theo Chương trình GDPT 2018; Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên;

- Tiến hành kiểm tra, giám sát các kế hoạch, hoạt động chuyên môn.

### **3. Đối với tổ chuyên môn:**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ. Hướng dẫn giáo viên trong tổ lập kế hoạch cá nhân (kế hoạch giáo dục và các hoạt động chuyên môn). Giám sát và tư vấn cho giáo viên thực hiện các hoạt động chuyên môn theo nội dung kế hoạch đã xây dựng; - Tổ chức, điều hành các buổi sinh hoạt chuyên môn theo Điều lệ trường tiểu học và theo kế hoạch của nhà trường. Tổ chức các chuyên đề theo nghiên cứu bài học cấp tổ.

- Dự giờ, kiểm tra hồ sơ sổ sách, kế hoạch bài dạy, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ. Chia sẻ các phương pháp học tích cực theo Chương trình GDPT 2018;

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ khi Hiệu trưởng phân công theo Quyết định;

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ chuyên môn theo định kỳ;

### **4. Tổ trưởng tổ chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5.

- Triển khai các hoạt động của Tổ chuyên môn tới các thành viên

- Hướng dẫn các thành viên lập các loại kế hoạch cá nhân.

- Trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch của tổ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong phạm vi tổ mình phụ trách.

- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho GV; bồi dưỡng GV trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

### **5. Tổng phụ trách Đội**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện HS.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

- Thành lập các ban của Liên đội để điều hành mọi hoạt động của Liên đội.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

### **6. GV chủ nhiệm**

- Thực hiện tốt công tác chủ nhiệm và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; KH bài dạy, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại HS.

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn và nhà trường, thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo của ngành, thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Chủ động nắm bắt thông tin từng HS của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm HS, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng HS.

- Phối hợp chặt chẽ với CMHS hoặc người giám hộ, GV, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của HS lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá HS cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn HS bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách HS đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho HS.

- Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với ban giám hiệu.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, học tập, sinh hoạt chuyên môn, sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia đề nghị nhà trường tranh bị thêm thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên: tự học, tự bồi dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

## **7. GV phụ trách môn học**

- Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; KH bài dạy, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại HS.

- Kết hợp cùng GV chủ nhiệm tham gia quản lí HS trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, học tập, sinh hoạt chuyên môn, sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn và nhà trường, thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo của ngành, thực hiện các hoạt động chuyên môn khác

- Tham gia đề nghị nhà trường tranh bị thêm thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên: tự học, tự bồi dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

## **8. Thư viện, thiết bị**

- Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học đảm bảo TT16/2022 của Bộ GD.

- Khuyến khích HS tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách vào 21/4/2025.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của GV.

## **9. Đối với học sinh và cha mẹ học sinh.**

Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, từng kỳ và cả năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và tổ chức đoàn thanh niên.

Tích cực hoạt động tự quản, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện kỹ năng sống.

Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh một cách có hiệu quả, làm tốt cuộc vận động xã hội hoá giáo dục trong và ngoài nhà trường./.

## **VII. Công tác kiểm tra, giám sát**

### **2.1. Yêu cầu:**

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để phát hiện, điều chỉnh những việc chưa hợp lý và tuyên dương những cá nhân, tổ khối tích cực, sáng tạo.

Thông qua công tác kiểm tra để rút kinh nghiệm, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời cho tất cả cá nhân, tổ khối về việc thực hiện nhiệm vụ.

### **2.2. Biện pháp thực hiện**

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thành lập ban kiểm tra nội bộ nhà trường.



Thường xuyên kiểm tra theo kế hoạch kết hợp kiểm tra đột xuất để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế nhằm giúp các bộ phận hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

### **2.3. Chỉ tiêu phấn đấu**

100% các bộ phận được kiểm tra ít nhất 1 lần/năm.

### **3. Chế độ thông tin, báo cáo**

Hàng tháng các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo với đồng chí hiệu trưởng về kết quả thực hiện kế hoạch;

Cuối học kỳ I các bộ phận báo cáo sơ kết, cuối năm học báo cáo tổng kết các hoạt động về đồng chí hiệu trưởng.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Tiểu học Nghĩa An, đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo để lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./..

**DUYỆT KẾ HOẠCH  
HIỆU TRƯỞNG**

**LẬP KẾ HOẠCH  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

**Nguyễn Thị Thanh Liên**